

Số: 94/2024/QĐST - DS TP Thanh Hóa, ngày 12 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v: Hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Thủy

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Thư ký Tòa án thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên họp:

Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 116/2023/TLST- VDS ngày 18 tháng 12 năm 2023 về việc: Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân hợp pháp, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2023/QĐST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Lê Thị T, sinh năm 1980 “có mặt”

Trú tại: Phố Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Nguyễn Bá T1, sinh năm 1980 “có mặt”

Trú tại: Phố Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

UBND phường Đ, thành phố Thanh Hóa

Địa chỉ: Phố Đồng Lễ, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quốc H - Chức vụ: Chủ tịch phường

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hồng N, công chức Tư pháp phường, “vắng mặt”

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu và bản tự khai anh Nguyễn Bá T1 và chị Lê Thị T là người yêu cầu trình bày:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Bá T1 sinh ngày 01/02/1980 và chị Lê Thị T, sinh ngày 15/12/1980 có quan hệ yêu đương, tiến tới hôn nhân nên ngày 20/10/1998 anh chị đến UBND xã Đ (nay là phường Đ), thành phố T để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Tại thời điểm kết hôn do anh T1 mới 18 tuổi 08 tháng chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình năm 1986 nên anh đã khai sinh ngày 21/5/1978 và chị T khai sinh ngày 15/12/1979 (sai lệch so với năm sinh thật) và đã được UBND phường Đ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 20/10/1998 cho anh T1 và chị T.

Do tại thời điểm đăng ký kết hôn anh T1 chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 nên anh chị đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật và công nhận hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND phường Đ trình bày: Qua kiểm tra sổ lưu đăng ký kết hôn năm 1998 của UBND phường Đ tại trang số 76 thể hiện thông tin: chồng anh Nguyễn Bá T1, sinh ngày 21/5/1978 và vợ chị Lê Thị T, sinh ngày 15/12/1979 đều ở thôn Á, xã Đ, thành phố T có chữ ký của anh T1, chị T. Đối với hồ sơ lưu đăng ký kết hôn tại phường không còn lưu trữ. Quan điểm của UBND phường là đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên họp chị T, anh T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 20/10/1998 và đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị là hợp pháp.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp Tòa án và đương sự đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 5; Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và điểm a khoản 2 Điều 4 TTLT01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Bá T1 và chị Lê Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện của Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Ngày 20/10/1998, anh Nguyễn Bá T1 và chị Lê Thị T đến UBND phường Đ, thành phố T thực hiện việc đăng ký kết hôn. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh T1 chưa đủ tuổi theo quy định nên anh chị làm đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật nên Tòa án thành phố T thụ lý, giải quyết là đúng quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Bá T1 sinh ngày 01/02/1980 và chị Lê Thị T sinh ngày 15/12/1980 có quan hệ yêu đương và tiến tới hôn nhân. Ngày 20/10/1998 anh chị đi làm thủ tục đăng ký kết hôn, do tại thời điểm kết hôn do anh chị chưa có chứng minh nhân dân và do anh T1 chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 anh đã khai sinh ngày 21/5/1978 (sai so với năm thật) và được UBND phường Đ, thành phố T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 76.

Tại Điều 5 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định về điều kiện kết hôn, trong đó độ tuổi kết hôn là “Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên”. Như vậy, tại thời điểm anh chị đi đăng ký kết hôn thì anh T1 mới 18 tuổi 08 tháng là chưa đủ tuổi kết hôn, đã vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 1986. Tuy nhiên, việc kết hôn trái pháp luật này là do lỗi của anh chị khi đăng ký kết hôn đã khai báo tuổi không đúng nên UBND phường Đ mới làm thủ tục và cấp giấy kết hôn sai cho anh chị.

Nay T1, chị T yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp là có căn cứ theo quy định tại các Điều 369, 370 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5 và 9 của Luật Hôn nhân gia đình năm 1986. Do luật Hôn nhân gia đình năm 1986 không có điều luật quy định về xử lý việc kết hôn trái pháp luật khi hai bên kết hôn đã có đủ điều kiện kết hôn theo quy định và hai bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân nên áp dụng Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 và điểm a khoản 2 Điều 4 TTLT01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị.

- Về lệ phí: Anh Nguyễn Bá T1 và chị Lê Thị T không phải chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 369, 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 4 TTLT01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; điểm d khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Bá T1 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 76 ngày 20/10/1998 do UBND phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cấp.

Công nhận hôn nhân của anh Nguyễn Bá T1, sinh ngày 01/02/1980 và chị Lê Thị T sinh ngày 15/12/1980 hợp pháp từ ngày 01/02/2000.

2. Về lệ phí: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Bá T1 không phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS TP. Thanh Hóa;
- UBND P. Đông Hải;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Trần Thị Thủy

